

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 18/BC - TĐTĐ - P5

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ III - NĂM 2023**

Yên Bái, ngày 19 tháng 10 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 30/09/2023 | 01/01/2023 |
|-------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 300.967.346.517 | 278.255.981.949 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 34.900.358.112 | 90.424.695.231 |
| 111 | 1. Tiền | | 8.900.358.112 | 75.424.695.231 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 26.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| 120 | II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | - | 62.000.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | - | 62.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 256.299.162.241 | 121.759.844.969 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | 180.970.851.641 | 100.398.838.347 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán | | 52.496.364.876 | - |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | 22.412.500.000 | 22.412.500.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 5 | 1.760.411.634 | 581.848.620 |
| 139 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (1.340.965.910) | (1.633.341.998) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 6 | 8.836.245.443 | 4.071.441.749 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 8.836.245.443 | 4.071.441.749 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | - | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 931.580.721 | - |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 99.600.000 | - |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 7.619.915 | - |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 7 | 824.360.806 | - |
| 154 | 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | - | - |
| 155 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | | - | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 760.645.504.425 | 803.390.986.471 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 67.237.500.000 | 84.046.875.000 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | | 67.237.500.000 | 84.046.875.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 180.640.345.434 | 207.208.090.254 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 8 | 164.566.606.679 | 190.598.138.315 |
| 222 | - Nguyên giá | | 1.488.248.688.376 | 1.485.758.346.457 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.323.682.081.697) | (1.295.160.208.142) |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | 9 | 16.073.738.755 | 16.609.951.939 |
| 228 | - Nguyên giá | | 22.411.162.640 | 22.330.322.400 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (6.337.423.885) | (5.720.370.461) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 7.673.594.635 | 5.797.971.083 |
| 241 | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | | - | - |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 10 | 7.673.594.635 | 5.797.971.083 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | 503.446.066.764 | 503.446.066.764 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 337.624.176.764 | 337.624.176.764 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 84.652.890.000 | 84.652.890.000 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 81.169.000.000 | 81.169.000.000 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 1.647.997.592 | 2.891.983.370 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 1.647.997.592 | 2.891.983.370 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.061.612.850.942 | 1.081.646.968.420 |

100
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 THÁC
 BÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 30/09/2023 | 01/01/2023 |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | A. NỢ PHẢI TRẢ | | 24.914.092.095 | 45.339.353.469 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 24.914.092.095 | 45.339.353.469 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | | 823.795.207 | 4.712.624.523 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước | | - | 432.475.059 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 11 | 13.619.947.999 | 26.724.868.859 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 5.387.590.124 | 8.059.064.109 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả | 12 | - | - |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 13 | 3.198.296.813 | 4.974.745.475 |
| 322 | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 1.884.461.952 | 435.575.444 |
| 400 | B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.036.698.758.847 | 1.036.307.614.951 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 14 | 1.036.698.758.847 | 1.036.307.614.951 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | - | - |
| 413 | 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | | - | - |
| 414 | 4. Vốn khác của chủ sở hữu | | - | - |
| 415 | 5. Cổ phiếu quỹ | | - | - |
| 416 | 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | - | - |
| 417 | 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | - | - |
| 418 | 8. Quỹ đầu tư phát triển | | - | - |
| 419 | 9. Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp | | - | - |
| 420 | 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | - | - |
| 421 | 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 401.698.758.847 | 401.307.614.951 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 400.115.859.606 | 187.108.664.381 |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 1.582.899.241 | 214.198.950.570 |
| 422 | 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.061.612.850.942 | 1.081.646.968.420 |

048
TY
HẠN
DIỆ
J B.
1-1-23

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

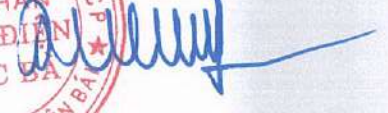


Lê Hồng Minh



Yên Bái, Ngày 19 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2023

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý 3 năm 2023 | Quý 3 năm 2022 | Lũy kế đến 30/09/2023 | Lũy kế đến 30/09/2022 |
|-------|--|-------------|----------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 16 | 31.973.315.678 | 138.717.656.261 | 189.540.240.719 | 355.774.698.120 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 31.973.315.678 | 138.717.656.261 | 189.540.240.719 | 355.774.698.120 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 17 | 27.914.460.247 | 32.065.552.428 | 85.803.983.524 | 91.738.213.311 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 4.058.855.431 | 106.652.103.833 | 103.736.257.195 | 264.036.484.809 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 18 | 3.603.177.482 | 34.228.060.652 | 33.317.894.651 | 41.950.833.301 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 19 | 181.697 | | 181.697 | - |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | - | | - | - |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | | | | |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 6.112.503.792 | 6.626.735.153 | 18.933.203.839 | 18.803.177.173 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 1.549.347.424 | 134.253.429.332 | 118.120.766.310 | 287.184.140.937 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 20 | 194.927.400 | 229.927.601 | 1.041.384.768 | 793.065.861 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 21 | 140.650.773 | 144.518.140 | 760.682.900 | 551.878.765 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 54.276.627 | 85.409.461 | 280.701.868 | 241.187.096 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 1.603.624.051 | 134.338.838.793 | 118.401.468.178 | 287.425.328.033 |



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Quý 3 năm 2023

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý 3 năm 2023 | Quý 3 năm 2022 | Lũy kế đến 30/09/2023 | Lũy kế đến 30/09/2022 |
|-------|--|-------------|----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | | | VND | VND | VND | VND |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | 20.724.810 | 20.909.913.758 | 18.760.324.282 | 51.564.002.606 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>1.582.899.241</u> | <u>113.428.925.035</u> | <u>99.641.143.896</u> | <u>235.861.325.427</u> |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | | | | |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | | | | |

Người lập

Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 13 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢPQuý 3 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 30/09/2023 | 30/09/2022 |
|--|--|-------------|------------------|-------------------|
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 118.401.468.178 | 287.425.328.033 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định | | 29.803.036.165 | 29.456.274.984 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | (292.376.088) | (1.387.004.000) |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 49.855 | - |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (33.317.894.651) | (41.950.833.301) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | - | - |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | | |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 114.594.283.459 | 273.543.765.716 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (80.572.013.294) | (142.644.139.909) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | (4.764.803.694) | (1.066.706.887) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (11.023.700.696) | 59.533.433.631 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 1.243.985.778 | 975.815.865 |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | - | - |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (35.118.246.773) | (23.694.791.913) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (2.419.431.000) | (3.680.970.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (18.059.926.220) | 162.966.406.503 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (54.566.381.004) | - |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 100.010.404 | - |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | (118.840.000.000) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của | | 78.809.375.000 | 121.351.788.699 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | (24.500.000.000) |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 33.434.634.701 | 40.654.729.465 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 57.777.639.101 | 18.666.518.164 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | - | - |
| 34 | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | | - | - |
| 35 | 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | | - | - |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (95.242.050.000) | (158.720.550.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (95.242.050.000) | (158.720.550.000) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (55.524.337.119) | 22.912.374.667 |



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 30/09/2023 VND | 30/09/2022 VND |
|-------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 60 | Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | | 90.424.695.231 | 74.789.259.982 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | | <u>34.900.358.112</u> | <u>97.701.634.649</u> |



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 19 tháng 10 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2023

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

1.6 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
- Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
- Địa chỉ: Thôn Bàn Xèo 1, xã Bàn Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Tỷ lệ sở hữu: 50,94%
- Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính .

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a Chứng khoán kinh doanh

b Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các Tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác. Nếu kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản ngắn hạn. Trường hợp kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản dài hạn.

c Các khoản cho vay

d Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng tăng giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 09 - 15 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |
| - Tài sản cố định khác | 05 - 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 50 năm |

2.8 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Nợ phải trả**2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính****2.12 . Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng tăng giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.9 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 30/09/2023 | 01/01/2023 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 115.045.095 | 241.100.536 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 8.785.313.017 | 75.183.594.695 |
| Các khoản tương đương tiền | 26.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| | 34.900.358.112 | 90.424.695.231 |

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a Chứng khoán kinh doanh****b Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| b1 Ngắn hạn | 30/09/2023 | | 01/01/2023 | |
|--------------------------|------------|----------------|----------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (*) | - | - | 62.000.000.000 | 62.000.000.000 |
| - Trái phiếu | - | - | - | - |
| - Các khoản đầu tư khác | - | - | - | - |
| | - | - | 62.000.000.000 | 62.000.000.000 |

| b2 Dài hạn | 30/09/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| - Đầu tư vào công ty con(**) | 337.624.176.764 | 337.624.176.764 | 337.624.176.764 | 337.624.176.764 |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết(***) | 84.652.890.000 | 84.652.890.000 | 84.652.890.000 | 84.652.890.000 |
| - Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác(****) | 81.169.000.000 | 81.169.000.000 | 81.169.000.000 | 81.169.000.000 |
| | 503.446.066.764 | 503.446.066.764 | 503.446.066.764 | 503.446.066.764 |

(**) Tại ngày 30/09/2023

- Công ty đang nắm giữ 25.889.270 cổ phần tương đương 50,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum

(***) Tại ngày 30/09/2023

- Theo Nghị Quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 07 tháng 08 năm 2020 HĐQT Công ty đã thông qua tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là 49% Vốn điều lệ. Đến ngày 30/09/2023 Công ty đã thực hiện góp vốn với giá trị là 84.652.890.000 đồng.

(****) Tại ngày 30/09/2023

- Công ty đang nắm giữ 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Hải Phòng.

- Công ty đang nắm giữ 200.000 cổ phần tương đương 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Thủy điện Thái An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tò dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

5 PHẢI THU KHÁC

| a Ngắn hạn | 30/09/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia | | | | |
| Phải thu về lãi tiền gửi | 136.773.974 | - | 224.025.254 | - |
| Phải thu người lao động | 98.636.410 | - | 167.531.020 | - |
| Ký quỹ, ký cược | - | - | 97.155.477 | - |
| Phải thu khác | 1.525.001.250 | - | 93.136.869 | - |
| | 1.760.411.634 | | 581.848.620 | |
| b Dài hạn | | - | | - |

6 . HÀNG TỒN KHO

| | 30/09/2023 | | 01/01/2023 | |
|-------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi đường | - | - | - | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.120.879.265 | | 3.628.206.745 | |
| Công cụ, dụng cụ | 467.993.155 | | 228.926.046 | |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 4.247.373.023 | | 214.308.958 | |
| | 8.836.245.443 | | 4.071.441.749 | |

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 30/09/2023 | 01/01/2023 |
|--|--------------------|------------|
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập cá nhân | 824.360.806 | - |
| Thuế Giá trị gia tăng | - | - |
| Thuế tài nguyên | - | - |
| Thuế Thu nhập Doanh nghiệp | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - |
| | 824.360.806 | - |

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp
 Quý 3 năm 2023

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 651.554.157.472 | 807.119.689.374 | 21.684.040.335 | 5.283.004.731 | 117.454.545 | 1.485.758.346.457 |
| Mua sắm | - | 999.829.182 | - | 2.175.604.415 | - | 999.829.182 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | - | - | - | - | 2.175.604.415 |
| Tặng khác | - | - | - | - | - | - |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | - | - | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (39.300.000) | (645.791.678) | - | - | (685.091.678) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 30/09/2023 | 651.554.157.472 | 808.080.218.556 | 21.038.248.657 | 7.458.609.146 | 117.454.545 | 1.488.248.688.376 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 556.718.310.265 | 717.563.521.208 | 16.060.215.036 | 4.716.725.535 | 101.436.098 | 1.295.160.208.142 |
| Trích khấu hao | 15.276.612.483 | 12.827.786.916 | 775.960.470 | 305.622.872 | - | 29.185.982.741 |
| Tặng khác | 20.982.492 | - | - | - | - | 20.982.492 |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | - | - | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (39.300.000) | (645.791.678) | - | - | (685.091.678) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 30/09/2023 | 572.015.905.240 | 730.352.008.124 | 16.190.383.828 | 5.022.348.407 | 101.436.098 | 1.323.682.081.697 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 94.835.847.207 | 89.556.168.166 | 5.623.825.299 | 566.279.196 | 16.018.447 | 190.598.138.315 |
| Tại ngày 30/09/2023 | 79.538.252.232 | 77.728.210.432 | 4.847.864.829 | 2.436.260.739 | 16.018.447 | 164.566.606.679 |



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | TSCĐ vô hình khác VND | VND |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 20.558.322.400 | 1.772.000.000 | 22.330.322.400 |
| Mua sắm | - | 80.840.240 | 80.840.240 |
| Thanh lý, nhượng bán tăng khác | - | - | - |
| Tại ngày 30/09/2023 | 20.558.322.400 | 1.852.840.240 | 22.411.162.640 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 5.160.647.758 | 559.722.703 | 5.720.370.461 |
| Trích khấu hao | 308.364.912 | 308.688.512 | 617.053.424 |
| Tăng khác | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán tăng khác | - | - | - |
| Tại ngày 30/09/2023 | 5.469.012.670 | 868.411.215 | 6.337.423.885 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 15.397.674.642 | 1.212.277.297 | 16.609.951.939 |
| Tại ngày 30/09/2023 | 15.089.309.730 | 984.429.025 | 16.073.738.755 |

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

| | 30/09/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà | 6.153.809.066 | 3.407.763.107 |
| Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà | 241.972.148 | 241.972.148 |
| Dự án nâng cấp thiết bị thông gió - NMTĐ Thác Bà | 854.696.552 | 57.775.643 |
| Dự án đầu tư thiết bị nâng hạ cánh phai xả tràn - NMTĐTB | 127.777.778 | 127.777.778 |
| Nâng cấp hệ thống quan trắc đập chính, đập tràn - NMTĐ Thác Bà | - | 1.962.682.407 |
| Dự án nâng cấp đường mặt đập chính nhà máy Thủy điện Thác Bà | 295.339.091 | - |
| | 7.673.594.635 | 5.797.971.083 |

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2023 VND | Số phải nộp VND | Số đã thực nộp VND | 30/09/2023 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế Giá trị gia tăng | 3.441.176.355 | 18.293.125.428 | 13.396.142.424 | 8.338.159.359 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | 18.176.506.941 | 18.760.324.282 | 35.118.246.773 | 1.818.584.450 |
| Thuế Tài nguyên nhân | 2.935.909.940 | 22.765.985.910 | 23.493.328.964 | 2.208.566.886 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 2.171.275.623 | 173.948.867 | 3.169.585.296 | (824.360.806) |
| Các loại thuế khác | - | 523.510.110 | 484.582.807 | 38.927.303 |
| | 26.724.868.859 | 64.164.024.598 | 78.093.306.264 | 13.619.947.999 |

12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| a | 30/09/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí phải trả khác | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp**Quý 3 năm 2023**

| | | | |
|-----------|--|----------------------|----------------------|
| b | Dài hạn | | |
| 13 | . PHẢI TRẢ KHÁC | | |
| a | Ngắn hạn | 30/09/2023 | 01/01/2023 |
| | | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| | Phải trả cổ tức cho cổ đông | 192.091.749 | 184.141.749 |
| | Phí dịch vụ Môi trường rừng | 2.600.987.184 | 3.462.440.544 |
| | Phải trả, phải nộp khác | 405.217.880 | 1.328.163.182 |
| | | <u>3.198.296.813</u> | <u>4.974.745.475</u> |
| b | Dài hạn | | |
| c | Số nợ quá hạn chưa thanh toán | | |
| 14 | . VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |
| a) | Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu | | |

0240
NGT
PHÂN
Y DI
Á C E
VH-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2023 | 635.000.000.000 | - | - | - | 401.307.614.951 | 1.036.307.614.951 |
| Tại ngày 01/01/2023 | 635.000.000.000 | - | - | - | 401.307.614.951 | 1.036.307.614.951 |
| Tăng vốn | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận tăng trong kỳ | - | - | - | - | 99.641.143.896 | 99.641.143.896 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | - | - |
| Tăng khác (*) | - | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn | - | - | - | - | - | - |
| Phân phối các quỹ | - | - | - | - | (4.000.000.000) | (4.000.000.000) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (95.250.000.000) | (95.250.000.000) |
| Sử dụng quỹ | - | - | - | - | - | - |
| Điều chỉnh khác (*) | - | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 30/09/2023 | 635.000.000.000 | - | - | - | 401.698.758.847 | 1.036.698.758.847 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

| | | |
|---|------------------------------|-------------------------------|
| 15 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán | | |
| Ngoại tệ các loại | 30/09/2023 | 01/01/2023 |
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | - | 141 |
| 16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ | | Lũy kế đến |
| | Quý 3 năm 2023 | 30/09/2023 |
| | VND | VND |
| Doanh thu bán điện thương phẩm | 29.608.251.641 | 181.879.080.493 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.365.064.037 | 7.661.160.226 |
| | <u><u>31.973.315.678</u></u> | <u><u>189.540.240.719</u></u> |
| | - | - |
| 17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN | | Lũy kế đến |
| | Quý 3 năm 2023 | 30/09/2023 |
| | VND | VND |
| Giá vốn của điện thương phẩm đã bán | 26.921.560.267 | 82.777.470.477 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 992.899.980 | 3.026.513.047 |
| | <u><u>27.914.460.247</u></u> | <u><u>85.803.983.524</u></u> |
| | - | - |
| 18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | Lũy kế đến |
| | Quý 3 năm 2023 | 30/09/2023 |
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn | 2.103.177.482 | 8.434.682.961 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.500.000.000 | 24.883.211.690 |
| | <u><u>3.603.177.482</u></u> | <u><u>33.317.894.651</u></u> |
| | - | - |
| 19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | Lũy kế đến |
| | Quý 3 năm 2023 | 30/09/2023 |
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | - | - |
| Lỗ bán ngoại tệ | 181.697 | 181.697 |
| Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | - | - |
| | <u><u>181.697</u></u> | <u><u>181.697</u></u> |
| | - | - |
| 20 . THU NHẬP KHÁC | | Lũy kế đến |
| | Quý 3 năm 2023 | 30/09/2023 |
| | VND | VND |
| - Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 100.010.404 |
| - Các khoản khác | 194.927.400 | 941.374.364 |
| | <u><u>194.927.400</u></u> | <u><u>1.041.384.768</u></u> |
| | - | - |
| 21 . CHI PHÍ KHÁC | | Lũy kế đến |
| | Quý 3 năm 2023 | 30/09/2023 |
| | VND | VND |
| - Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 6.783.000 |
| - Các khoản khác | 140.650.773 | 753.899.900 |
| | <u><u>140.650.773</u></u> | <u><u>760.682.900</u></u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Quý 3 năm 2023 | Lũy kế đến 30/09/2023 |
|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 4.517.012.911 | 5.425.606.575 |
| Chi phí nhân công | 7.070.776.533 | 22.154.681.920 |
| Chi phí khấu hao | 9.977.511.279 | 29.803.036.165 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.694.258.983 | 3.838.218.386 |
| Chi phí khác | 14.679.583.490 | 47.548.708.382 |
| | 37.939.143.196 | 108.770.251.428 |

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Quý 3 năm 2023 | Lũy kế đến 30/09/2023 |
|--|----------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng | 179.075.021 | 649.756.340 |
| Chi phí nhân công | 3.313.836.282 | 9.844.845.282 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 687.240.527 | 2.058.994.583 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 570.486.191 | 1.716.282.025 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.361.865.771 | 4.663.325.609 |
| | 6.112.503.792 | 18.933.203.839 |

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Quý 3 năm 2023 | Lũy kế đến 30/09/2023 |
|---|-------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 20.724.810 | 18.760.324.282 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20.724.810 | 18.760.324.282 |

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 96% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:**

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Nội dung nghiệp vụ</u> | <u>Mối quan hệ</u> | <u>Quý 3/2023</u> | <u>Quý 3/2022</u> |
|--|--|-----------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Doanh thu bán điện | Công ty mẹ của cổ đông lớn | 29.608.251.641 | 134.982.586.095 |
| Công ty TNHH Năng lượng R.E.E | Cổ tức đã thanh toán | Công ty mẹ | - | 57.547.752.000 |
| Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần | Cổ tức đã thanh toán | Cổ đông lớn | - | 28.575.000.000 |
| | Thu hồi tiền cho vay | | 5.603.125.000 | 5.603.125.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum | Lãi tiền cho vay Doanh thu khác Doanh thu cung cấp dịch vụ | Công ty con | 1.677.406.764 45.000.000 - | 2.292.706.644 45.000.000 - |
| | | | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 | Doanh thu cung cấp dịch vụ Doanh thu khác | Công ty liên kết | 54.545.455 60.000.000 | 40.909.091 60.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương | Doanh thu cung cấp dịch vụ | Công ty trong cùng tập đoàn | - | - |
| | | ... | - | - |
| Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý: | | | | |
| | | <u>Mối quan hệ</u> | <u>30/09/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
| | | | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | | | 173.650.581.341 | 95.834.596.548 |
| Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | | Công ty mẹ của cổ đông lớn | 173.650.581.341 | 95.834.596.548 |
| Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương | | Công ty trong cùng tập đoàn | - | 235.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | | | 96.579.603 | 81.667.615 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum | | Công ty con | 96.579.603 | 81.667.615 |
| | | <u>Mối quan hệ</u> | <u>30/09/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
| | | | VND | VND |
| Phải thu về cho vay | | | 89.650.000.000 | 106.459.375.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum | | Công ty con | 89.650.000.000 | 106.459.375.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | - | - |
| - Cho vay dài hạn đến hạn trả | | | 22.412.500.000 | 22.412.500.000 |
| - Cho vay dài hạn | | | 67.237.500.000 | 84.046.875.000 |

024
ÔNG
PH
JYJ
IÁC
INH.

27 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 3/2023 với Quý 3/2022

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 3/2023 đạt 1.582.899.241 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 3/2022 đạt 113.428.925.035 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 3/2023 so với Quý 3/2022 giảm 111.846.025.794 đồng là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 137.404.223.954 đồng là do Doanh thu hoạt động điện giảm 105.374.334.454 đồng so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân là do mực nước hồ đầu kỳ Quý 3/2023 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022 là 5,1 m (tương ứng thiếu hụt khoảng 782,7 triệu m³ nước so với cùng kỳ), lưu lượng nước về hồ bình quân Quý 3/2023 giảm 24,2 m³/s (giảm 8%) dẫn đến sản lượng điện thương phẩm trong Quý 3/2023 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022 là 37,9 triệu kWh (giảm 34%). Đồng thời, giá bán điện bình quân Quý 3/2023 là 410 đ/kWh giảm 816 đ/kWh so với cùng kỳ năm 2022 do giá bán điện theo hợp đồng (Pc) giảm, sản lượng điện hợp đồng (Qc) tăng và sản lượng điện giao nhận giảm. Doanh thu hoạt động dịch vụ giảm 1.370.006.129 đồng (giảm 37%) so với cùng kỳ năm 2022 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ được nghiệm thu trong Quý 3/2023 giảm hơn so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu Hoạt động tài chính giảm 30.624.883.170 đồng (giảm 89%) so với cùng kỳ năm 2022 do trong Quý 3/2023 Công ty không phát sinh tăng doanh thu từ cổ tức được chia từ công ty con nộp về như cùng kỳ Quý 3/2022 (Công ty con tạm ứng 10% cổ tức là 25,88 tỷ đồng); doanh thu từ cổ tức được chia từ các đơn vị nộp về trong Quý 3/2023 (1,5 tỷ đồng) giảm 2,4 tỷ đồng so với cùng kỳ Quý 3/2022 (3,9 tỷ đồng). Doanh thu khác Quý 3/2023 giảm 35.000.201 đồng (giảm 15%) so với cùng kỳ năm 2022.

- Tổng chi phí Quý 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 4.669.009.212 đồng (giảm 12%) so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do sản lượng Quý 3/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 dẫn đến chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 3/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 và ảnh hưởng của một số chi phí thường xuyên khác.

- Thuế TNDN Quý 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 20.909.913.758 đồng (giảm 99%) so với cùng kỳ năm 2022. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 3/2023 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Thuế TNDN trong Quý 3/2023 giảm là do lợi nhuận trước thuế TNDN Quý 3/2023 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022.

249
Y
ÂN
IÊN
BÀ
T.Y.E

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2023



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 19 tháng 10 năm 2023

